

Luật số: 119/2025/QH15

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÔNG NGHIỆP
QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Quy hoạch công nghiệp quốc phòng, quy hoạch công nghiệp an ninh là quy hoạch ngành; được lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh theo quy định của Luật này, pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Nguồn từ Quỹ công nghiệp quốc phòng, Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh và các quỹ hợp pháp khác chi cho công nghiệp quốc phòng, an ninh.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ưu tiên phân bổ nguồn lực trong kế hoạch tài chính 05 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho nhiệm vụ sản xuất quốc phòng, an ninh của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt trích lập Quỹ công nghiệp quốc phòng; cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt trích lập Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh;”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Quỹ công nghiệp quốc phòng, Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh

1. Quỹ công nghiệp quốc phòng là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương, do Bộ Quốc phòng quản lý để đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ có tính mới, rủi ro cao, các chương trình, dự án, hoạt

động, chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm hoặc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo vũ khí trang bị kỹ thuật nhằm phát triển công nghiệp quốc phòng.

2. Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương, do Bộ Công an quản lý để đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động, chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm nhằm phát triển công nghiệp an ninh.

3. Quỹ công nghiệp quốc phòng, Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

- a) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn vốn hợp pháp được cấp có thẩm quyền quyết định;
- c) Nguồn trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 của Luật này;
- d) Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;
- đ) Đóng góp của các thành phần khác của tổ hợp công nghiệp quốc phòng vào Quỹ công nghiệp quốc phòng; đóng góp của các thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia vào Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh;
- e) Nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ công nghiệp quốc phòng:

- a) Không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả;
- c) Đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ có tính mới, rủi ro cao, các chương trình, dự án, hoạt động, chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm hoặc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo vũ khí trang bị kỹ thuật nhằm phát triển công nghiệp quốc phòng.

5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh:

- a) Không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả;
- c) Đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động, chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm nhằm phát triển công nghiệp an ninh.

6. Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ công nghiệp quốc phòng; quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Tổ hợp công nghiệp quốc phòng có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá, tăng hạn sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất quốc phòng và các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng;

b) Làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi, chuyển giao, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại;

c) Huy động nguồn lực quốc gia phát triển công nghiệp quốc phòng;

d) Nghiên cứu, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ dân sinh, chuyển giao công nghệ phù hợp cho công nghiệp dân sinh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp quốc phòng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 43 như sau:

“a) Nhà nước giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện đề án, chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật theo chuyên ngành sản phẩm; tự chủ điều phối trong nghiên cứu, sản xuất, liên doanh, liên kết, huy động năng lực của các thành phần tổ hợp công nghiệp quốc phòng;”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“Điều 45. Chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp quốc phòng

1. Có chính sách về giao nhiệm vụ, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu, hỗ trợ nguồn lực, hợp tác và đầu tư theo phương thức đối tác công tư để triển khai hoạt động của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

2. Tạo điều kiện thúc đẩy liên doanh, liên kết, hợp tác giữa các thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

3. Khuyến khích xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt để nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ sản xuất, chế tạo hệ thống vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược, các sản phẩm công nghiệp quốc phòng.

4. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao cho tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

8. Bổ sung Mục 8 vào sau Mục 7 Chương II như sau:

“Mục 8

TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP AN NINH QUỐC GIA

Điều 45a. Chức năng, nhiệm vụ, thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia do Nhà nước dẫn dắt, định hướng, với hạt nhân là các cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt, sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Công an nhân dân có nguồn lực, tiềm lực

khoa học và công nghệ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh.

2. Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh, sửa chữa, cải hoán, cải tiến, hiện đại hoá các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh, trọng tâm là các nhóm sản phẩm, dịch vụ: sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an toàn, an ninh mạng; sản phẩm, dịch vụ công nghiệp dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn quốc gia; sản phẩm kỹ thuật nghiệp vụ, kỹ thuật hình sự, công cụ hỗ trợ, quân trang ngành công an; phương tiện tuần tra trên tuyến ven biển, tuyến sông; sản phẩm phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ an ninh sinh học; trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, công nghệ, dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; sản phẩm, dịch vụ khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Bộ trưởng Bộ Công an quyết định danh mục sản phẩm, dịch vụ cụ thể thuộc các nhóm sản phẩm, dịch vụ quy định tại khoản này;

b) Làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi, chuyển giao, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại;

c) Huy động nguồn lực quốc gia phát triển công nghiệp an ninh;

d) Nghiên cứu, sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ dân sinh, chuyển giao công nghệ phù hợp cho công nghiệp dân sinh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

đ) Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tham gia xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

3. Thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia bao gồm:

a) Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia là cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt;

b) Thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia gồm các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Công an nhân dân.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt là hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 45b. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia là cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt có đủ nguồn lực, tiềm lực khoa học và công nghệ để chủ trì tổ chức nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất và hoàn chỉnh sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh.

2. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được hưởng các chính sách sau đây:

- a) Các chính sách quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 43 của Luật này;
- b) Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ chương trình nghiên cứu, sản xuất phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng;
- c) Được Nhà nước giao chủ trì thực hiện đề án, chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo chuyên ngành; tự chủ trong nghiên cứu, sản xuất, liên doanh, liên kết với các thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

3. Hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia có trách nhiệm sau đây:

- a) Chủ trì nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất và hoàn chỉnh sản phẩm, dịch vụ được giao nhiệm vụ, đặt hàng; tổ chức điều phối các thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- b) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh trong thực hiện nhiệm vụ;
- c) Bảo đảm bí mật nhà nước, an ninh, an toàn trong quá trình liên doanh, liên kết, ký hợp đồng với các thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia;
- d) Hạch toán theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 45c. Thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia là các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Công an nhân dân có nguồn lực, tiềm lực khoa học và công nghệ, được công nhận theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an; thực hiện hoạt động nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh và các hoạt động khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

2. Thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được hưởng các chính sách sau đây:

- a) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình tham gia hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia;
- b) Được xem xét, giao nhiệm vụ, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu, hợp tác công tư hoặc hỗ trợ, đầu tư, cho vay thông qua Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh để thực hiện đề án, chương trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo chuyên ngành;
- c) Được cung cấp và sử dụng thông tin trong phạm vi phục vụ triển khai nhiệm vụ hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia;

d) Doanh nghiệp thực hiện hợp đồng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, hoàn chỉnh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh được hưởng các chính sách quy định tại các điểm a, b và c khoản này và các ưu đãi về thuế, tín dụng, thuê đất, lao động, tiếp cận, chuyển giao công nghệ, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia có trách nhiệm sau đây:

a) Tham gia hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia theo đúng phạm vi, nhiệm vụ, kế hoạch, lĩnh vực được giao và tuân thủ hợp đồng đã ký kết;

b) Bảo đảm an ninh, an toàn trong sản xuất an ninh;

c) Bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công nghệ liên quan đến quá trình liên doanh, liên kết, ký kết và thực hiện hợp đồng theo quy định;

d) Chấp hành chế độ kiểm tra, báo cáo về hoạt động công nghiệp an ninh theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 45d. Chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia

1. Có chính sách về giao nhiệm vụ, đặt hàng, lựa chọn nhà thầu, hỗ trợ nguồn lực, hợp tác và đầu tư theo phương thức đối tác công tư để triển khai hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

2. Tạo điều kiện thúc đẩy liên doanh, liên kết, hợp tác giữa các thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

3. Khuyến khích xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt để nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ nền, công nghệ lõi phục vụ sản xuất, chế tạo các sản phẩm công nghiệp an ninh.

4. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao cho tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.

5. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về đấu thầu và của Luật này.

6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 68 như sau:

“đ) Được áp dụng khoản chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoản chi từng phần theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 7, khoản 8 vào sau khoản 6 Điều 79 như sau:

“6. Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Cơ quan chuyên trách về công nghiệp an ninh và Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh.

7. Thành lập Hội đồng quản lý phát triển công nghiệp an ninh để điều phối hoạt động của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia, Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh và giúp Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo các nhiệm vụ xây dựng, phát triển công nghiệp an ninh.

8. Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh; quản lý hoạt động chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn tương ứng.”.

11. Thay thế cụm từ “an toàn thông tin” bằng cụm từ “an ninh mạng” tại khoản 3 Điều 29.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 1 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. 

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Đã ký: Trần Thanh Mẫn

VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 104/SY-VPCTN

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025

KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM




Phạm Thanh Hà